

Bản án số: 38/2022/DS-ST.
Ngày: 28-7-2022.
V/v: “Tranh chấp QSD đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quý Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Trà Giang.
2. Bà Dương Thị Đước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai – Thư ký TAND huyện Đất Đỏ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm - KSV.

Ngày 28-7-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2019/TLST–DS ngày 24-12-2019 “Tranh chấp QSD đất” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXX-ST ngày 22-6-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/QĐ ngày 08-7-2022 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: tổ 4 ấp M, xã H, huyện Đ.

2- Các bị đơn: ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

bà Cao Thị S, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: tổ 3 ấp M, xã H, huyện Đ.

3- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: tổ 4 ấp M, xã H, huyện Đất Đỏ.

+ ông Cao Văn H, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 3 ấp M, xã H, huyện Đất Đỏ.

4- Người làm chứng: ông Đinh Văn B, sn 1964 và bà Phạm Thị Th, sn 1965.

Cùng địa chỉ: tổ 3 ấp M, xã H, huyện Đất Đỏ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại tòa án, các nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T trình bày:* Vào tháng 9 năm 2018 bà T và chồng là ông Nguyễn Văn Đ nhận chuyển nhượng của ông Đinh Văn B bà Phạm Thị Th diện tích đất 1.297m² thuộc thửa 239 tờ bản đồ 29 xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ và bà T ông Đ được cấp giấy CN QSD đất (chỉnh lý trang 4) ngày 18-10-2018. Nguồn gốc đất này là do ông B mua lại của ông Cao Văn H vào năm 2004, ông B mua của ông H bao nhiêu thì bán hết lại cho bà T cụ thể là diện tích 1.297m² Thuộc thửa 239 tờ bản đồ 29 xã Phước Hội. Sau khi nhận chuyển nhượng bà T để đất trống không sử dụng. Năm 2019 bà S ông P là người có đất giáp ranh với bà T đến gặp yêu cầu bà T ký giáp ranh để chỉnh lý giấy đất thì phát hiện ranh đất của mình bị lệch cụ thể là khi mua chiều ngang sổ đỏ phía trước là 07m còn phía sau là 13m nhưng hiện nay phía sau chỉ còn hơn 10m. Từ đó bà T phát hiện ranh đất phía của mình bị bà S ông P lấn sang. Cụ thể theo giấy CN QSD đất của bà S phía sau là 26m ngang nhưng hiện nay là 35m. Nay bà T yêu cầu phía bà S ông P trả lại diện tích 03m ngang phía sau kéo ra phía trước giáp với đất ông Cao Văn H hiện tại (dt khoảng 300m²).

Xem qua sơ đồ vị trí đất thực tế do Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ cung cấp, bà T xác định diện tích đất bị bà S ông P lấn chiếm là 103m² và yêu cầu bà S ông P giao trả.

** Theo bản khai và trong quá trình tố tụng tại tòa án các bị đơn ông Nguyễn Hồng P và bà Cao Thị S trình bày:*

Bà S ông P là người sử dụng diện tích đất 3.584m² Thuộc thửa 21 tờ bản đồ 29 xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ, được UBND huyện Long Đất (nay huyện Đất Đỏ) cấp giấy CN QSD đất năm 2000. Nguồn gốc đất của bà S ông P là do được tặng cho từ gia đình. Bà T ông Đ là người sử dụng đất giáp ranh với bà S ông P, đất bà T ông Đ có nguồn gốc là do chuyển nhượng của ông Đinh Văn B, còn ông B là mua lại của ông Cao Văn H (em bà S). Giữa ranh đất của ông P bà S với đất bà T ông Đ có ranh mốc do trước kia ông H ông B cắm mốc. Việc ông Đ bà T cho rằng đất mình bị Tểu là do ông P bà S lấn chiếm là không chính xác vì giữa đất của 2 bên có ranh giới nên không thể lấn được. Nay bà T ông Đ khởi kiện yêu cầu bà S ông P trả đất bị thiếu nên bà S ông P không đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay bà S ông P vắng mặt không có lý do.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày:* ông Đ là chồng của bà T và cùng đứng tên trong giấy CN QSD đất sau khi nhận chuyển nhượng của ông Đinh Văn B. Ông Đ đồng ý theo lời trình bày cũng như yêu cầu của bà T.

** Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn H:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các thủ tục tố tụng cho ông H và triệu tập ông H đến Tòa án để ghi nhận ý kiến theo yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông P bà S nhưng ông H không đến và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt ông H.

** Đối với người làm chứng ông Đinh Văn B và bà Phạm Thị Th vắng mặt tại phiên tòa:* ông B bà Th được xác định là người làm chứng trong vụ kiện và Tòa án tiến hành giao giấy triệu tập ông B bà Th đến để ghi nhận ý kiến nhưng ông B bà Th không đến nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B bà Th theo khoản 02 Điều 229 BLTTDS.

** Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện các quy định của Bộ luật TTDS. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp quyền sử dụng đất” xác định đúng thẩm quyền xét xử theo Điều 26, 35 Bộ luật TTDS, tư cách của những người tham gia tố tụng, Thộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo Điều 21, đã thu thập các chứng cứ, nhưng còn vi phạm là quá hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định Bộ luật TTDS về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H, người làm chứng không tham gia tố tụng vi phạm quy định Điều 72, 73, 78 Bộ luật TTDS làm kéo dài thời hạn giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Qua nội dung đơn khởi kiện bà T và căn cứ vào giấy chứng nhận của bà T nhận chuyển nhượng của ông B thì phần đất phía sau, theo sơ đồ năm 2013 thì ngang 13m nhưng hiện tại còn 10,22m, đất bà S ông P thì từ 26m nay đo đạc tăng lên là 35m nên yêu cầu bà S ông P trả lại diện tích đất 103m² Thuộc thửa 239 tờ bản đồ số 29 xã Phước Hội. Bà S ông P không đồng ý vì chủ đất cũ là ông Đinh Văn B có trồng ranh đất là cột xi măng hiện tại vẫn còn, ông bà không lấn đất nên không đồng ý trả. Qua hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay thể hiện:

- Theo chứng cứ hồ sơ thì bà S sử dụng thửa 21 diện tích 3.584m² và ông Cao Văn H thửa 20 diện tích 1.850m² đều đã được cấp giấy chứng nhận năm 2000, không ai có khiếu nại gì.

- Năm 2004 ông H làm thủ tục tách thửa và chuyển nhượng QSD đất cho ông B thành thửa 239 diện tích 1.257m² ở trang 4, ông B được cấp giấy chứng nhận BO 018363 ngày 02-10-2013 sau đó điều chỉnh diện tích là 1.297m², phần chiều rộng phía sau đất là 13m nay là thửa 45 bản đồ số 64. Năm 2014 ông B chuyển nhượng cho ông Đ bà T toàn bộ theo diện tích đất theo giấy chứng nhận.

- Bà S ông P đã điều chỉnh giấy năm 2013, diện tích theo giấy chứng nhận và theo sơ đồ trích lục ngày 01-10-2013 là 3.505m thửa 29 nay là thửa 44 bản đồ số 64, theo sơ đồ thì chiều rộng phía sau đất là 26m.

Qua chứng cứ thể hiện thì ông H và ông B đã trồng trụ ranh (nhưng hiện không còn) trước khi chuyển nhượng cho bà T tức là đã xác định ranh giới sử dụng, theo sơ đồ hiện tại đo vẽ giải quyết tranh chấp biên bản thẩm định và sơ đồ đất của bà T và bà S năm 2013 và đo vẽ ngày 04-11-2021 thì hàng rào theo đường đỏ từ điểm 12 đến điểm 4A là nhà đất ông Cao Văn H, từ điểm 4A đến điểm 4 vạch đỏ có hàng rào trụ rào cũ, hàng rào gỗ tạp theo giấy chứng nhận QSD đất bà T là thửa 45 diện tích 103m², điểm 4 - 5 dài 2,29 m cộng với điểm 5 - 6 thì chiều dài tổng là 12,51m nếu bỏ điểm 4, 5 thì chiều ngang đất bà T chỉ còn 10,22m. Còn chiều ngang đất ông P bà S từ điểm 3 - 4 đất là 33,39m rộng hơn sơ đồ cũ năm 2013 là 9m. Tổng diện tích đất của bà T lô 1 là 1.435m² của bà S ông P là lô 3 diện tích 4.230m² tức là đất của bà T và bà S theo đo vẽ đều tăng. Nhưng căn cứ giấy chứng nhận QSD đất của bà T, bà S thì hiện tại chiều ngang đất bà T bị thu hẹp 2,29m đất bà S thì tăng 9m, do đó theo bản đồ mới thì ranh đất không đúng thực tế sử dụng mà ông B chuyển nhượng cho bà T năm 2013 cũng như ranh đất bà S điều chỉnh giấy năm 2013. Do đó căn cứ Điều 100, Điều 106 Luật đất đai có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T về việc công nhận QSD đất 103m² thửa 239 tờ bản đồ số 29 nay là thửa 45 tờ bản đồ 64 xã Phước Hội là quyền sử dụng đất của bà T. Bà T liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận theo quy định của luật Đất đai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn H vắng mặt không có lý do. HĐXX nhận thấy: Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ theo quy định và đây là phiên tòa mở lần thứ hai nhưng các bị đơn và ông H vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điều 227 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: bà Trần Thị Ngọc T tranh chấp với ông Nguyễn Hồng P bà Cao Thị S diện tích đất 103m² Thuộc thửa đất số 239 tờ bản đồ số 29 (nay thửa 45 tờ bản đồ số 64) xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ theo sơ đồ vị trí ngày 04-11-2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai nên xác định đây là quan hệ dân sự về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Xét thấy đất tranh chấp có vị trí tại xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ và các bị đơn cư trú tại xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ nên vụ kiện Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ (Điều 39 BLTTDS).

[3] Về nội dung vụ án:

- Bà T ông Đ được quyền sử dụng diện tích đất 1.297m² Thuộc thửa 239 tờ bản đồ 29 (nay thửa 45 tờ bản đồ số 64) xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ, đất có nguồn gốc do bà T ông Đ nhận chuyển nhượng của ông Đinh Văn B bà Phạm Thị Th vào năm 2018 và được cấp giấy CN QSD đất (điều chỉnh trang 4) vào tháng 10-2018.

- Bà S ông P được quyền sử dụng diện tích đất 3.584m² Thuộc thửa 21 tờ bản đồ 29 (nay thửa 44 tờ bản đồ số 64) xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ, đất có nguồn gốc do gia đình để lại và được cấp giấy CN QSD đất vào năm 2000.

- Năm 2019 bà T ông Đ được bà S ông P là người sử đất giáp ranh nhờ ký giấy để chỉnh lý cấp đổi giấy CN QSD đất thì phát hiện đất mình bị bà S ông P lấn chiếm nên bà T khởi kiện yêu cầu bà S ông P giao trả diện tích 103m² (theo sơ đồ vị trí ngày 04-11-2021). Còn bà S ông P cho rằng đất của mình sử dụng ổn định và có ranh mốc cố định nên không đồng ý trả lại. Tuy nhiên hiện nay ranh mốc không còn vì bà T cho rằng phía bà S ông P đã nhổ bỏ.

Qua nội dung vụ án, HĐXX nhận thấy:

[3.1] Nguồn gốc đất của bà S ông P: Căn cứ vào biên bản chia đất của gia đình bà S ngày 06-4-1993 cho thấy: bà Cao Thị S được chia 09m chiều ngang; ông Cao Văn H được chia 13m chiều ngang; ông Cao Văn Thọ được chia 14m chiều ngang. Sau khi được chia ông Thọ không sử dụng nên chuyển nhượng cho bà S. Để Thuận tiện cho việc chuyển nhượng và bà S sử dụng, ông Thọ đổi đất của mình cho ông H rồi bán cho bà S như vậy đất bà S được 23m chiều ngang. Ngày 15-10-1999 bà S ông P có đơn xin cấp giấy và ngày 16-8-2000 bà S được cấp giấy CN QSD đất có diện tích 3.584m² Thuộc thửa 21 tờ bản đồ 29 (nay là thửa 44 tờ bản đồ 64) xã Phước Hội. Năm 2013 chỉnh lý biến động bản đồ số hóa và diện tích đất còn lại 3.505m².

[3.2] Nguồn gốc đất của bà T ông Đ: ông Cao văn H được chia 13m chiều ngang sau đó đổi cho ông Thọ để nhận 14m chiều ngang. Năm 2000 ông H được cấp giấy được cấp giấy CN QSD đất có diện tích 1.850m² Thộc thửa 20 tờ bản đồ 29 xã Phước Hội. Sau đó ông H chuyển nhượng cho ông Đinh Văn B và tháng 10-2013 ông B bà Phạm Thị Th được cấp giấy CN QSD đất số BO 018363 có diện tích 1.297m² Thuộc thửa 239 tờ bản đồ 29 (nay là thửa 45 tờ bản đồ 64) xã Phước Hội. Tháng 9-2018 ông B bà Th chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho bà T ông Đ và tháng 10-2018 bà T ông Đ được cấp giấy CN QSD đất (chỉnh lý trang 4) đối với diện tích đất trên.

[3.3] Theo sơ đồ vị trí ngày 04-11-2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ thể hiện:

Diện tích đất bà S ông P và bà T ông Đ đang sử dụng thực tế đều nhiều hơn so với diện tích đất được cấp trong giấy CN QSD đất. Tuy nhiên qua xem xét thực tế đất hiện các bên đang sử dụng thì chiều ngang của mỗi thửa đất có sự chênh lệch

so với lúc đất được chia. Cụ thể: hướng Bắc đất bà S ông P đang sử dụng từ điểm 12 đến điểm 1 có chiều ngang 21,44m và hướng Nam từ điểm 3, điểm 4, điểm 5 có chiều ngang là 35,68m. Còn đất bà T ông Đ đang sử dụng ở hướng Bắc từ điểm 10 đến điểm 11 là 6,90m cộng với 4,90m đất của đất ông H tổng cộng 11,80m chiều ngang và hướng Nam từ điểm 5 đến điểm 6 có chiều ngang là 10,22m. Như vậy đất bà S ông P có chiều ngang nhiều hơn còn đất bà T ông Đ có chiều ngang ít hơn so với vị trí đất khi được chia ngày 06-4-1993.

Ngoài ra trong quá trình hòa giải tại địa phương thể hiện: “Qua kiểm tra thực tế thì đất bà S ông P có lấn sang đất của bà T nhưng không xác định được diện tích lấn bao nhiêu vì ông P không cho đo đạc”.

Khi bà S ông P làm đơn xin cấp giấy CN QSD đất và chỉ yêu cầu cấp diện tích 3.584m² nhưng hiện đang sử dụng diện tích 4.230m² (chưa tính 103m² đang tranh chấp).

Từ nhận định trên có cơ sở khẳng định đất bà S ông P đang sử dụng có lấn sang đất của bà T ông Đ nên bà S ông P phải giao trả. Theo sơ đồ vị trí ngày 04-11-2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ thể hiện diện tích tranh chấp 103m² theo các điểm 4, 5, 4A.

[3.4] Đối với người có quyền lợi liên quan ông Cao Văn H: Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đối với ông H nhưng không nhận được ý kiến cũng như yêu cầu gì của ông H nên HĐXX không xét đến.

Tại biên bản thẩm định tài sản ngày 04-3-2022 thể hiện: Trên phần đất tranh chấp có một hàng rào xây gạch ống không tô dài 7,5m; 01 trụ xây gạch xây gạch thẻ không tô 30cm x 30cm cao 2m; 01 hàng rào 12m dựng bằng tôn xi măng cũ; 12 cây trụ gỗ tạp cao 3m có giăng lưới cá rách cũ phía trên.

Tại biên bản định giá ngày 04-3-2021 xác định: Diện tích đất 103m² có giá 14.523.000đ; hàng rào móng đá xây gạch không tô cao 1,6m dài 7,5m giá trị còn lại 2.437.500đ; 01 trụ xây gạch thẻ không tô 30cm x 30cm cao 2m giá trị còn lại 520.344đ; 01 hàng rào 12m dựng bằng tôn xi măng cũ và 12 cây trụ gỗ tạp cao 3m có giăng lưới cá rách cũ không có giá trị sử dụng nên không định giá. Sau khi giao trả 103m² đất cho bà T ông Đ, phía bà S ông P phải có trách nhiệm tự tháo dỡ 01 hàng rào dựng bằng tôn xi măng cũ và 12 cây trụ gỗ tạp có giăng lưới cá rách cũ nằm trên phần đất tranh chấp. Trường hợp không tự tháo dỡ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tháo dỡ và chi phí cho việc tháo dỡ phải do bà S ông P chịu.

Đối với tài sản trên đất tranh chấp gồm hàng rào móng đá xây gạch không tô cao 1,6m dài 7,5m; 01 trụ xây gạch thẻ không tô 30cm x 30cm cao 2m, nay Thuộc quyền sở hữu của bà T ông Đ nên bà T ông Đ có trách nhiệm giao trả giá trị cho bà S ông P số tiền 2.957.844đ.

[4] Về chi phí tố tụng: Theo hợp đồng đo vẽ số tiền 2.638.268đ và chi phí định giá thẩm định 3.000.000đ, tổng cộng 5.638.268đ do bà T tạm ứng. Tại phiên

tòa bà T ý kiến: Tòa án xử không chấp nhận bên nào thì bên đó chịu toàn bộ chi phí, như vậy bà S ông P phải chịu số tiền 5.638.268đ và có trách nhiệm giao trả cho bà T.

[5] Về án phí:

- Bà S ông P phải chịu án phí DSST theo quy định.
- Bà T ông Đ phải chịu án phí đối với phần tài sản được hưởng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 166, 203 Luật đất đai 2013; các Điều 26, 39, 227 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH về án phí, lệ phí tòa án, Tuyên xử:

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Tranh chấp QSD đất của bà Trần Thị Ngọc T đối với bà Cao Thị S ông Nguyễn Hồng P.

2) Bà Cao Thị S ông Nguyễn Hồng P có trách nhiệm giao trả cho bà Trần Thị Ngọc T ông Nguyễn Văn Đ diện tích đất 103m² Thộc một phần thửa 239 tờ bản đồ số 29 (nay thửa 45 tờ bản đồ 64) xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ và xác định tọa độ được giới hạn như sau: 4, 5, 4A (Theo sơ đồ vị trí đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ lập ngày 04-11-2021).

Bà Trần Thị Ngọc T ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm liên hệ với có quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký đối với diện tích đất 103m² nêu trên.

3) Bà Cao Thị S ông Nguyễn Hồng P có trách nhiệm tháo dỡ 01 hàng rào dựng bằng tôn xi măng cũ và 12 cây trụ gỗ tạp có giăng lưới cá rách cũ nằm trên phần đất tranh chấp. Trường hợp không tự tháo dỡ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tháo dỡ và chi phí cho việc tháo dỡ phải do bà S ông P chịu.

4) Bà Trần Thị Ngọc T ông Nguyễn Văn Đ được quyền sở hữu 01 hàng rào móng đá học xây gạch ống không tô cao 1,6m dài 7,5m; 01 trụ xây gạch thẻ không tô 30cm x 30cm cao 02m hiện có trên phần đất tranh chấp.

5) Bà Trần Thị Ngọc T ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm giao trả cho bà S ông P số tiền 2.957.844đ.

Kể từ ngày người được T hành án có đơn yêu cầu T hành án cho đến khi T hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải T hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 248 Bộ luật dân sự.

6) Về chi phí tố tụng: Bà S ông P có trách nhiệm giao trả cho bà T số tiền 5.638.268đ.

7) Về án phí:

- Bà T ông Đ phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000đ theo biên lai số 06883 ngày 23-8-2019 của Chi cục T hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà T ông Đ đã nộp đủ án phí.

- Bà S ông P phải chịu 725.000đ án phí DSST.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo (đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT.
- VKSND h Đất Đỏ.
- THA h Đất Đỏ.
- Đương sự.
- Lưu Vphòng.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ.

(Đã ký)

Lê Quý Cường